

CTCP Việt Trung Quảng Bình (UPCOM: VTQ)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	32,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	38,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	32,600
SL cổ phiếu LH	17,081,791
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	557
P/E	200.1
EPS	163

DT thuần

Q4/24

37.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▼11.3| -22.9%

YoY: ▲18.4| 94.5%

LN sau thuế

Q4/24

0.47

tỷ VNĐ

QoQ: ▼10.1| -95.5%

YoY: ▲12.7| 104%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

5.2%

+/- YoY: ▲64.2%

DT thuần

2024

122

tỷ VNĐ

YoY: ▲59.5| 95.3%

LN sau thuế

2024

2.78

tỷ VNĐ

YoY: ▲44.2| 107%

ROE

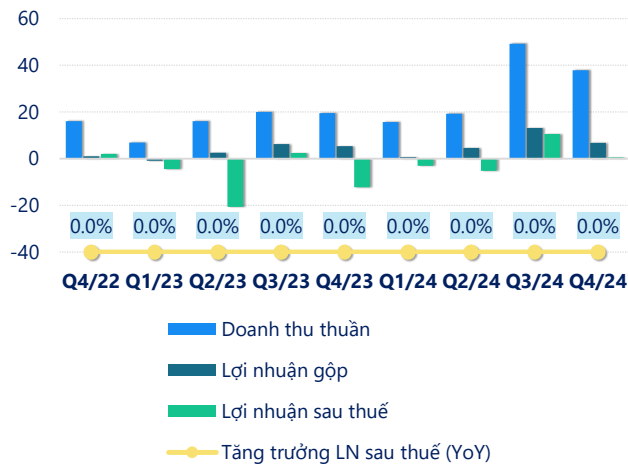
2024

2.2%

+/- YoY: ▲30.7%

tỷ VNĐ

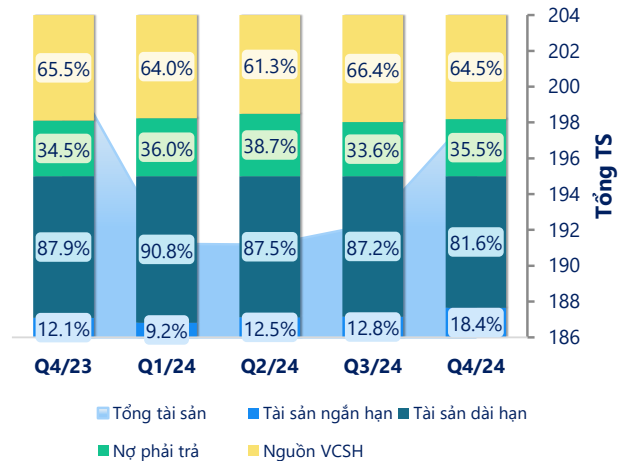
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

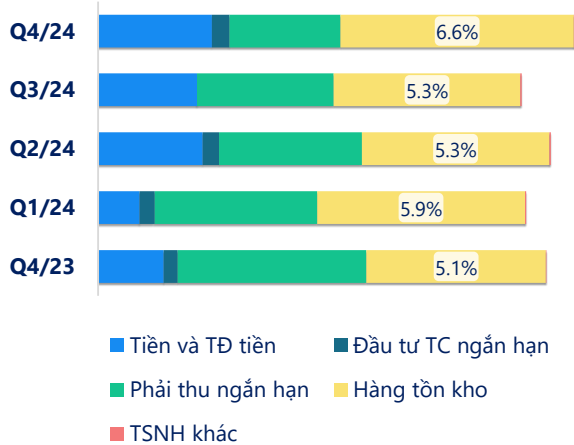
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



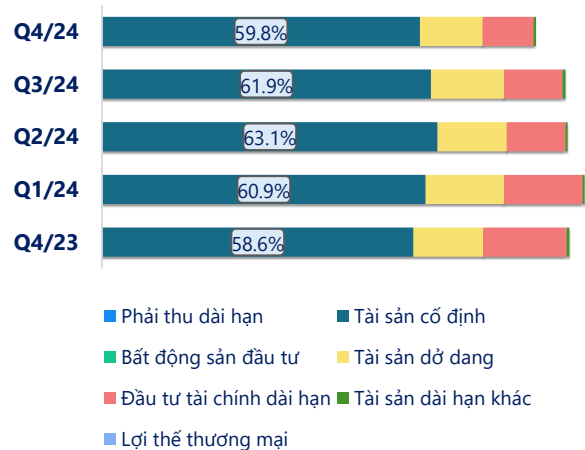
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

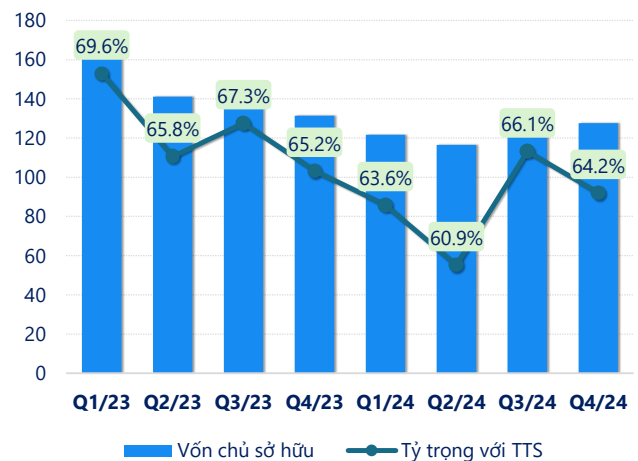
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

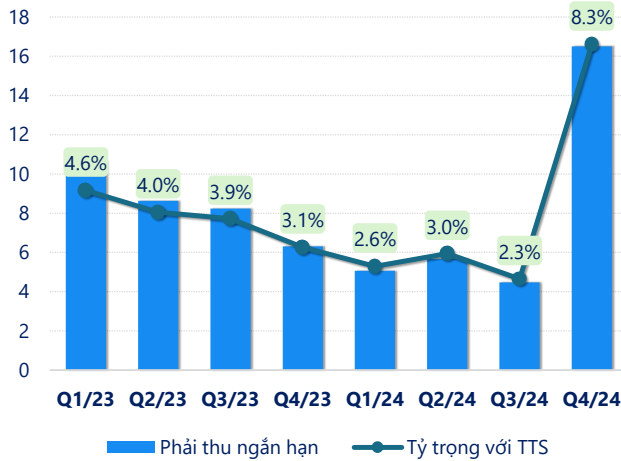
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



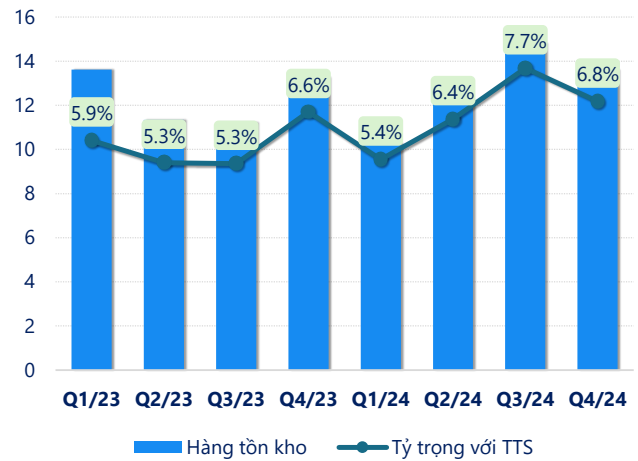
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


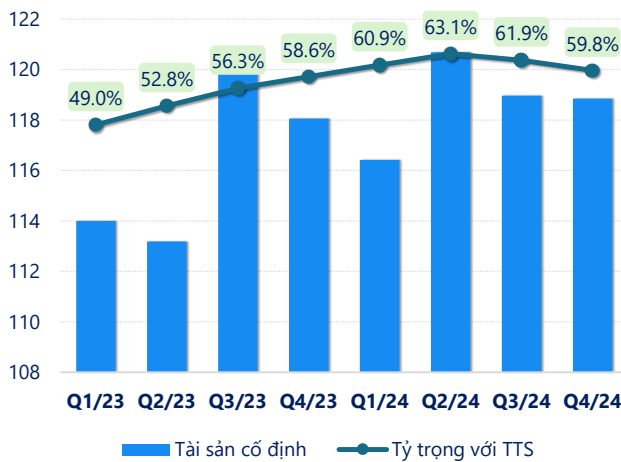
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


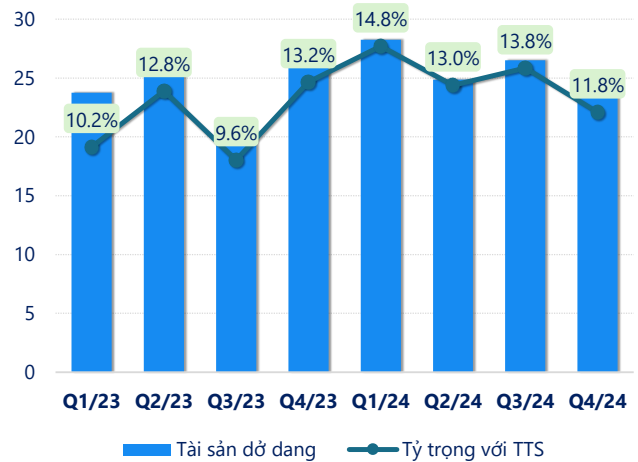
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

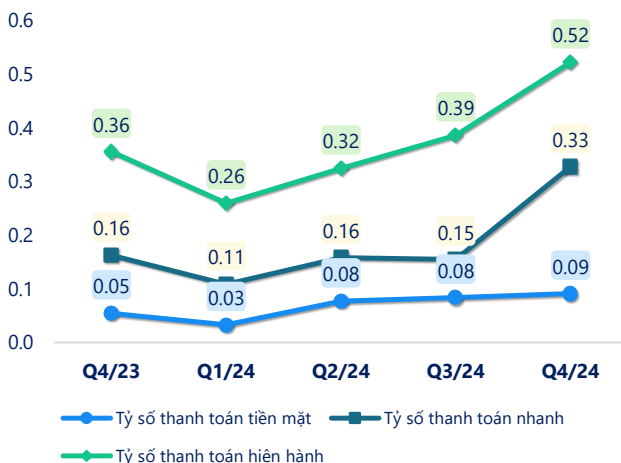
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

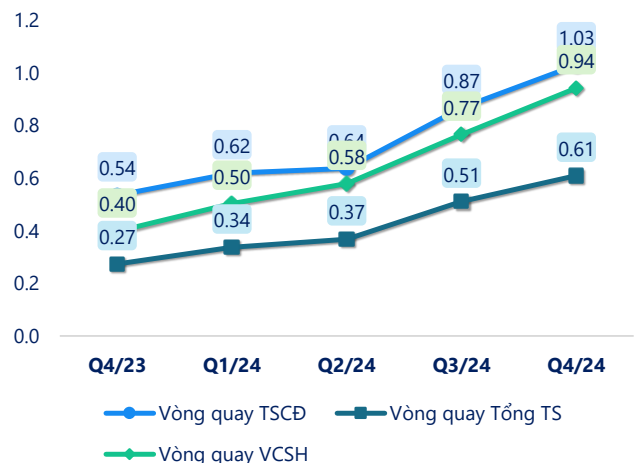
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	201	191	191	192	199
Tài sản ngắn hạn	24.4	17.6	23.8	24.7	36.5
Tiền và tương đương tiền	3.74	2.24	5.64	5.36	6.38
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.00	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	6.31	5.06	5.68	4.47	16.5
Hàng tồn kho	13.3	10.3	12.2	14.8	13.6
Tài sản ngắn hạn khác	0.09	0.07	0.27	0.07	0.05
Tài sản dài hạn	177	174	167	168	162
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	118	116	121	119	119
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	26.5	28.3	24.9	26.5	23.4
Đầu tư tài chính dài hạn	31.6	28.1	21.1	21.1	19.0
Tài sản dài hạn khác	0.98	0.82	0.68	1.03	0.87
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	69.5	68.9	74.0	64.6	70.5
Nợ ngắn hạn	68.6	68.0	73.4	64.0	70.0
Vay và nợ thuê ngắn hạn	47.8	48.0	48.3	42.7	39.2
Phải trả người bán ngắn hạn	4.81	5.72	8.68	6.00	14.6
Nợ dài hạn	0.85	0.85	0.61	0.61	0.49
Vay và nợ thuê dài hạn	0.56	0.56	0.31	0.31	0.19
Nguồn vốn chủ sở hữu	132	122	117	128	128
Vốn chủ sở hữu	131	122	116	127	128
Vốn điều lệ	171	171	171	171	171
Kinh phí và quỹ khác	0.68	0.68	0.68	0.68	0.68

(Nguồn: fireant.vn)